

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

*cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021
đã được kiểm toán*



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	6 – 35
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 – 11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 – 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng Bách Hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tổng Bách Hóa tiền thân là Tổng Công ty Bách hóa, năm 2004 Công ty thực hiện cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 0633/2004/QĐ-BTM ngày 24/05/2004 của Bộ Thương mại. Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0101527970 ngày 16 tháng 08 năm 2004, trong quá trình hoạt động Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi.

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là cho thuê bất động sản.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch tại số 15 Bích Câu, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Mạnh Hoàng Thao Chủ tịch

Ông Nguyễn Mạnh Hùng Ủy viên

Bà Trần Thị Thu Thủy Ủy viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Mạnh Hùng Tổng Giám đốc

Ông Phạm Ngọc Dương Phó Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hoàng Tùng Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Khoa Phó Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Quyết Chiến Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – chi nhánh Phía Bắc (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Mạnh Hùng

Số: 171./2021/BCKT/AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng Bách Hóa, được lập ngày 29 tháng 4 năm 2021, từ trang 06 đến trang 35, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Số dư công nợ phải thu khách hàng ngắn hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 là 88.808.133.225 đồng, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 là 86.963.939.107 đồng. Các khoản nợ phải thu này chưa được đối chiếu đầy đủ với các đối tượng có liên quan, tỷ lệ chưa được đối chiếu của phải thu khách hàng là 98%. Các thủ tục kiểm toán bổ sung cũng không cho phép chúng tôi kiểm tra được tính đúng đắn của số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư phải thu khách hàng này tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Trong năm 2020, Công ty không ghi nhận các chi phí lãi vay và lãi quá hạn của các Ngân hàng TMCP Cổ phần Bưu điện Liên Việt và Ngân hàng TMCP Xăng dầu phát sinh trong năm với số tiền ước tính 11.012.698.645 đồng, do Công ty đang trong quá trình đàm phán với các ngân hàng và đang được các ngân hàng xem xét miễn, giảm lãi vay sau khi đã trả hết nợ gốc (đến ngày 04 tháng 01 năm 2021, Công ty đã thanh toán toàn bộ nợ gốc). Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với khoản lãi vay nêu trên cũng như ảnh hưởng của nó đến Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2021.

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

- Theo phiếu phối hợp công tác ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Cục thuế Hà Nội, số thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty còn phải nộp là 1.597.288.954 đồng, số thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty đang ghi nhận phải thu Nhà nước số tiền 2.677.272.368 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 số dư thuế thu nhập doanh nghiệp phải thu là 2.677.272.368 đồng), chênh lệch nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước giữa số liệu của Công ty và số liệu của cơ quan thuế là 4.274.561.322 đồng. Công ty đã gửi công văn về việc giải trình chênh lệch số liệu cho cơ quan thuế, tuy nhiên Công ty chưa được quyết toán thuế. Do vậy, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với số dư thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 cũng như chi phí chậm nộp thuế (nếu có) phát sinh và ảnh hưởng của các khoản này đến các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong kỳ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng Bách Hóa tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc báo cáo đến các thuyết minh sau:

Như trình bày tại thuyết minh số V.05, tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, khoản đặt cọc của Công ty cho Công ty CP Đầu tư Bất Động Sản V.H với số tiền 906.690.000.000 đồng theo thỏa thuận nguyên tắc số 02/2021 này 15 tháng 02 năm 2021 để đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng dự án “Khu nhà ở” tại số 486 Ngọc Hồi, Văn Điển, Thanh Trì. để đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng dự án “Khu nhà ở” tại số 486 Ngọc Hồi, Văn Điển, Thanh Trì. Thời gian dự kiến ký kết hợp đồng tổng thầu tháng 7/2021. Tiền đặt cọc này sẽ được tự động chuyển thành một phần thanh toán của Công ty CP Tổng Bách Hóa theo quy định của hợp đồng tổng thầu.

Vấn đề khác

Không có số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ do Công ty không lập Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020.

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán
và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Phía Bắc

Giám đốc



Bùi Thị Ngọc Lân

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2018-152-1

Kiểm toán viên

Trần Thị Linh

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2949-2019-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		740.651.513.485	206.646.059.509
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	18.296.774.811	197.729.055.184
1.	Tiền	111		18.296.774.811	197.729.055.184
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		718.914.249.399	5.558.872.029
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	88.808.133.225	88.532.944.461
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.306.426.953	280.426.953
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.04	169.859.585.492	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	555.220.476.560	16.021.514.695
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(99.280.372.831)	(99.276.014.080)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140		78.684.155	78.684.155
1.	Hàng tồn kho	141	V.07	78.684.155	78.684.155
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		3.361.805.120	3.279.448.141
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		88.466.979	13.000.000
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	3.273.338.141	3.266.448.141
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA
Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.053.617.820.115	724.738.243.475
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		917.394.060.658	710.704.060.658
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.04	10.704.060.658	10.704.060.658
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	906.690.000.000	700.000.000.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		575.123.659	620.411.689
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	575.123.659	620.411.689
	- Nguyên giá	222		21.202.619.806	21.202.619.806
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(20.627.496.147)	(20.582.208.117)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240	V.08	134.595.033.444	12.264.769.444
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		134.595.033.444	12.264.769.444
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	14.539.854	14.539.854
1.	Đầu tư vào công ty con	251		5.014.539.854	5.014.539.854
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		1.039.062.500	1.134.461.830
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	1.039.062.500	1.134.461.830
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.794.269.333.600	931.384.302.984

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA
Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		1.236.072.246.322	1.288.369.309.689
I.	Nợ ngắn hạn	310		184.487.546.850	388.369.309.689
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	2.262.363.799	2.264.363.799
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	3.739.433.256	3.814.037.541
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	22.329.622.322	32.210.999.747
4.	Phải trả người lao động	314		264.645.841	-
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	881.125.152	1.111.252.788
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	147.518.004.157	185.509.555.319
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	6.964.770.159	162.931.518.331
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		527.582.164	527.582.164
II.	Nợ dài hạn	330		1.051.584.699.472	900.000.000.000
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.16	1.051.584.699.472	900.000.000.000
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		558.197.087.278	(356.985.006.705)
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	558.197.087.278	(356.985.006.705)
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		931.178.000.000	31.178.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		931.178.000.000	31.178.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		4.945.673.730	4.945.673.730
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(377.926.586.452)	(393.108.680.435)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		(393.108.680.435)	(388.817.703.206)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		15.182.093.983	(4.290.977.229)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.794.269.333.600	931.384.302.984

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Hà Thanh Loan

Hoàng Quyết Chiến

Nguyễn Mạnh Hùng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	2.703.738.759
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		2.703.738.759
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	1.967.661.411
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		736.077.348
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	15.728.480.103
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	29.880.941
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		29.880.941
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	633.126.005
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	652.407.192
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.149.143.313
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	150.412.500
12.	Chi phí khác	32	VI.06	117.461.830
13.	Lợi nhuận khác	40		32.950.670
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.182.093.983
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		15.182.093.983

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hà Thanh Loan

Hoàng Quyết Chiến

Nguyễn Mạnh Hùng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		15.182.093.983
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		45.288.030
-	Các khoản dự phòng	03		4.358.751
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.728.480.103)
-	Chi phí lãi vay	06		29.880.941
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(466.858.398)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(734.553.912.565)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		119.898.797.701
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		95.399.330
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(16.258.993.837)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(631.285.567.769)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(122.330.264.000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(238.809.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		68.949.414.508
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.885.060
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(292.179.964.432)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA
 Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		900.000.000.000
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		14.000.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(169.966.748.172)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		744.033.251.828
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(179.432.280.373)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		197.729.055.184
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		18.296.774.811

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Hà Thanh Loan

Hoàng Quyết Chiến

Nguyễn Mạnh Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và kinh doanh bất động sản.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm hiện tại là cho thuê bất động sản.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, Công ty có 04 đơn vị thành viên là Công ty con.

- Danh sách Công ty con gồm:

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ trụ sở chính</u>
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH	Số 23 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng
Công ty TNHH MTV Thương mại Miền Nam TBH (*)	Số 448B Nguyễn Tất Thành, phường 18, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh
Công ty TNHH MTV Văn hóa phẩm TBH (*)	Số 15 Bích Câu, phường Quốc Tử Giám, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
Công ty TNHH MTV Vật tư Nông sản TBH (*)	Thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng

(*) Các Công ty con đang tạm dừng kinh doanh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 là 30 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 24 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

03. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
- Máy móc, thiết bị	6 – 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	

07. Nguyên tắc ghi nhận các hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

08. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

09. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

11. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của dịch vụ bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền	18.296.774.811	197.729.055.184
+ Tiền mặt	27.137.981	124.106.821
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.069.636.830	197.097.867.563
+ Tiền đang chuyển	200.000.000	507.080.800
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u><u>18.296.774.811</u></u>	<u><u>197.729.055.184</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA
Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm				
	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	% quyền biểu quyết/ sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty con								
+ Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH	100%	5.014.539.854	(5.000.000.000)	-	100%	5.014.539.854	(5.000.000.000)	-
+ Công ty TNHH MTV Thương mại Miền Nam Tổng Bách hoá	100%	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	100%	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
+ Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm Tổng Bách hoá	100%	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-	100%	1.000.000.000	(1.000.000.000)	-
+ Công ty TNHH MTV Vật tư Nông sản	100%	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-	100%	2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
		14.539.854	-	-		14.539.854	-	-
Cộng		5.014.539.854	(5.000.000.000)	-		5.014.539.854	(5.000.000.000)	-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

Thông tin chi tiết về các Công ty con tại ngày 31/3/2021 như sau:

Tên Công ty con, Công ty liên kết	Hoạt động kinh doanh chính
+ Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH	Dịch vụ cho thuê kho
+ Công ty TNHH MTV Thương mại Miền Nam Tổng Bách hoá	Đang tạm dừng kinh doanh
+ Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm Tổng Bách hoá	Đang tạm dừng kinh doanh
+ Công ty TNHH MTV Vật tư Nông sản	Đang tạm dừng kinh doanh

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA
Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	88.808.133.225	88.532.944.461
- Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Hà	38.090.812.354	38.090.812.354
- Công ty TNHH Bách Thông	14.402.534.548	14.402.534.548
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Xuất nhập khẩu Hải Nam	1.541.946.423	1.541.946.423
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	34.772.839.900	34.497.651.136
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	88.808.133.225	88.532.944.461

Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	5.310.361.987	5.310.361.987
Cộng	5.310.361.987	5.310.361.987

04. Phải thu về cho vay

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu về cho vay ngắn hạn	169.859.585.492	-
- Công ty CP Sản xuất và thương mại THM-CONCRETE ^(a)	14.000.000.000	-
- Công ty TNHH TM DV Khách Sạn Tân Hoàng Minh ^(b)	155.859.585.492	-
b. Phải thu về cho vay dài hạn	10.704.060.658	10.704.060.658
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH ^(c)	10.704.060.658	10.704.060.658
Cộng	180.563.646.150	10.704.060.658

(a) Khoản cho Công ty Sản xuất và thương mại THM-CONCRETE vay theo hợp đồng 0401/2021/HĐV/TBH-CONCRETE ngày 04/01/2021, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay 10%/năm.

(b) Khoản cho Công ty TNHH TM DV Khách Sạn Tân Hoàng Minh vay theo hợp đồng vay hạn mức số 0501/2021/HĐV/TBH-THM ngày 05/01/2021 với hạn mức là 230.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay 10%/năm.

(c) Khoản cho Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH vay không tính lãi, thời hạn vay 24 tháng và được tự động gia hạn.

Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về cho vay ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	155.859.585.492	-
Phải thu về cho vay dài hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	10.704.060.658	10.704.060.658
Cộng	166.563.646.150	10.704.060.658

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA
Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	555.220.476.560	12.316.533.724	16.021.514.695	12.316.911.937
- Tạm ứng	2.423.779.419	-	2.442.539.419	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	54.000.000	-	54.000.000	-
- Phải thu khác	552.742.697.141	12.316.533.724	13.524.975.276	12.316.911.937
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng D' Construction (*)	523.070.000.000	-	-	-
+ Lãi dự thu	15.718.595.043	-	-	-
Công ty CP Sản xuất và thương mại THM- CONCRETE	333.698.630	-	-	-
Công ty TNHH TM DV Khách Sạn Tân Hoàng Minh	3.347.121.071	-	-	-
Công ty CP Đầu tư Xây dựng D' Construction (*)	12.037.775.342	-	-	-
+ Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH	6.760.845.398	6.322.546.084	6.322.546.084	6.322.546.084
+ Công ty Cổ phần Thương mại Hoàng Sơn	3.245.325.956	2.076.998.757	3.245.325.956	2.076.998.757
+ Công ty TNHH MTV Thương Mại Miền Nam TBH	2.855.552.356	2.855.552.356	2.855.552.356	2.855.552.356
+ Các khoản phải thu khác	1.092.378.388	1.061.436.527	1.101.550.880	1.061.814.740
b. Dài hạn	906.690.000.000	-	700.000.000.000	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	906.690.000.000	-	700.000.000.000	-
+ Công ty CP Đầu tư Bất Động Sản V.H (**)	906.690.000.000	-	-	-
+ Công ty CP Đầu tư Xây dựng D' Construction (*)	-	-	700.000.000.000	-
Cộng	1.461.910.476.560	12.316.533.724	716.021.514.695	12.316.911.937

(*) Là khoản đặt cọc của Công ty cho Công ty CP Đầu tư Xây dựng D' Construction theo thỏa thuận nguyên tắc số 01/12-2020 này 03 tháng 12 năm 2020 để đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng dự án “Khu nhà ở” tại số 486 Ngọc Hồi, Văn Điển, Thanh Trì. Ngày 05 tháng 01 năm 2021, hai bên ký kết thỏa thuận về việc chấm dứt và thanh lý thỏa thuận nguyên tắc nêu trên. Theo thỏa thuận thanh lý này, Công ty CP Đầu tư Xây dựng D' Construction có trách nhiệm hoàn trả số tiền Công ty đã đặt cọc không muộn hơn ngày 30/6/2021 và phải trả lãi đối với khoản tiền này với lãi suất 12%/năm tính trên số dư nợ chậm trả từ ngày 05/01/2021, trường hợp hợp phát sinh chậm hơn ngày 30/6/2021 lãi suất là 18%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA
Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

(**) Là khoản đặt cọc của Công ty CP Đầu tư Bất Động Sản V.H theo thỏa thuận nguyên tắc số 02/2021 này 15 tháng 02 năm 2021 để đảm bảo cho việc ký kết hợp đồng tổng thầu thi công xây dựng dự án “Khu nhà ở” tại số 486 Ngọc Hồi, Văn Điển, Thanh Trì. Thời gian dự kiến ký kết hợp đồng tổng thầu tháng 7/2021. Tiền đặt cọc này sẽ được tự động chuyển thành một phần thanh toán của Công ty CP Tổng Bách Hóa theo quy định của hợp đồng tổng thầu.

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Phải thu khách hàng	87.142.226.359	178.387.252	87.135.743.359	176.641.216
- Công ty Cổ phần Kim loại màu Bắc Hà	38.090.812.354	-	38.090.812.354	-
- Công ty TNHH Bách Thông	14.402.534.548	-	14.402.534.548	-
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Miền Nam TBH	5.310.361.987	-	5.310.361.987	-
- Hoàng Đức Long	3.097.655.000	-	3.097.655.000	-
- Nguyễn Văn Sơn	4.336.717.000	-	4.336.717.000	-
- Công ty TNHH Vũ Minh Hiếu	70.729.461	-	70.729.461	-
- Chi nhánh Công ty Vải Sợi Nghĩa Hưng	5.231.716.930	-	5.231.716.930	-
- Công ty CP TM Hoàng Sơn	337.634.559	-	337.634.559	-
- Công ty TNHH TM DV Quang Việt Long	1.019.937.000	-	1.019.937.000	-
- Công ty TNHH TM và DV Tổng hợp Tuấn Long	286.452.240	-	286.452.240	-
- Công ty TNHH Thiết Bị Vật Tư Hà Nội	105.423.500	-	105.423.500	-
- Công ty CP Thương mại Dịch vụ XNK Hải Nam	1.541.946.423	-	1.541.946.423	-
- Trần Văn Thành	2.080.749.000	-	2.080.749.000	-
- Các khách hàng khác	11.229.556.357	178.387.252	11.223.073.357	176.641.216
Phải thu khác	13.484.860.923	1.168.327.199	13.485.239.136	1.168.327.199
- Công ty Cổ phần Thương mại Hoàng Sơn	6.322.546.084	-	6.322.546.084	-
- Công ty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập khẩu TBH	3.245.325.956	1.168.327.199	3.245.325.956	1.168.327.199
- Công ty TNHH MTV Thương Mại Miền Nam TBH	2.855.552.356	-	2.855.552.356	-
- Các đối tượng khác	1.061.436.527	-	1.061.814.740	-
Cộng	100.627.087.282	1.346.714.451	100.620.982.495	1.344.968.415

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA
 Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng hoá	78.684.155	-	78.684.155	-
Cộng	78.684.155	-	78.684.155	-

08. Tài sản dở dang dài hạn

- Xây dựng cơ bản dở dang**
- Công trình nhà ở - số 486 Ngọc Hồi
 - Công trình nhà văn phòng 38 Phan Đình Phùng
- Cộng**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	133.116.701.262	10.786.437.262	133.116.701.262	10.786.437.262
1.478.332.182	1.478.332.182	1.478.332.182	1.478.332.182	
134.595.033.444	12.264.769.444	134.595.033.444	12.264.769.444	

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA
Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
<i>Số dư đầu năm</i>	19.389.399.345	98.960.000	1.714.260.461	21.202.619.806
- Mua trong kỳ	-	-	-	-
<i>Số dư cuối kỳ</i>	19.389.399.345	98.960.000	1.714.260.461	21.202.619.806
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
<i>Số dư đầu năm</i>	18.768.987.656	98.960.000	1.714.260.461	20.582.208.117
- Khấu hao trong kỳ	45.288.030	-	-	45.288.030
<i>Số dư cuối kỳ</i>	18.814.275.686	98.960.000	1.714.260.461	20.627.496.147
III. Giá trị còn lại				
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	620.411.689	-	-	620.411.689
<i>2. Tại ngày cuối kỳ</i>	575.123.659	-	-	575.123.659

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 17.579.577.365 đồng.

10. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	1.039.062.500	1.134.461.830
- Chi phí thuê kho	1.039.062.500	1.050.000.000
- Các khoản khác	-	84.461.830
Cộng	1.039.062.500	1.134.461.830

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

11. Vay và nợ thuê tài chính	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	162.931.518.331	162.931.518.331	14.000.000.000	169.966.748.172	6.964.770.159	6.964.770.159
- Vay ngân hàng	97.298.180.702	97.298.180.702	-	96.624.222.377	673.958.325	673.958.325
+ Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	49.635.000.000	49.635.000.000	-	49.635.000.000	-	-
+ Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm	27.989.222.377	27.989.222.377	-	27.989.222.377	-	-
+ Ngân hàng TMCP Xăng dầu - Chi nhánh Hà Nội ^(a)	19.649.959.200	19.649.959.200	-	19.000.000.000	649.959.200	649.959.200
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long ^(b)	23.999.125	23.999.125	-	-	23.999.125	23.999.125
- Vay đối tượng khác	65.633.337.629	65.633.337.629	14.000.000.000	73.342.525.795	6.290.811.834	6.290.811.834
+ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh	41.302.315.795	41.302.315.795	-	41.302.315.795	-	-
+ Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thái Sơn ^(d)	19.010.472.830	19.010.472.830	14.000.000.000	32.000.000.000	1.010.472.830	1.010.472.830
+ Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm TBH	687.679.004	687.679.004	-	-	687.679.004	687.679.004
+ Đinh Ngọc Khánh	1.054.066.000	1.054.066.000	-	30.210.000	1.023.856.000	1.023.856.000
+ Vay các đối tượng khác không tính lãi	3.578.804.000	3.578.804.000	-	10.000.000	3.568.804.000	3.568.804.000
Công ty CP Đầu Tư KD Nhà XD Và TM An Mỹ	265.000.000	265.000.000	-	-	265.000.000	265.000.000
Nguyễn Thị Vũ	70.000.000	70.000.000	-	-	70.000.000	70.000.000
Nguyễn Văn Khoa	22.842.000	22.842.000	-	10.000.000	12.842.000	12.842.000
Phạm Thị Thanh Hằng	1.700.000.000	1.700.000.000	-	-	1.700.000.000	1.700.000.000
Trần Thị Kim Dung	1.520.962.000	1.520.962.000	-	-	1.520.962.000	1.520.962.000
Cộng	162.931.518.331	162.931.518.331	14.000.000.000	169.966.748.172	6.964.770.159	6.964.770.159

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA
Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn</i>	3.739.433.256	3.814.037.541
- Công ty TNHH Lương Gia	3.700.000.000	3.700.000.000
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	39.433.256	114.037.541
Cộng	3.739.433.256	3.814.037.541

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	589.175.773	-	6.000.000	12.890.000	596.065.773	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.677.272.368	-	-	-	2.677.272.368	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	734.465.666	208.937	81.688.808	-	652.985.795
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	25.743.432.453	84.755.226.213	94.555.123.767	-	15.943.534.899
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.733.101.628	3.000.000	3.000.000	-	5.733.101.628
Cộng	3.266.448.141	32.210.999.747	84.764.435.150	94.652.702.575	3.273.338.141	22.329.622.322

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA
Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	881.125.152	1.111.252.788
- Chi phí lãi vay	187.833.333	187.833.333
- Chi phí tiền thuê nhà phải trả	693.291.819	923.419.455
Cộng	881.125.152	1.111.252.788

16. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	147.518.004.157	185.509.555.319
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7.397.000.000	7.397.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	140.121.004.157	178.112.555.319
+ Lãi vay phải trả ngân hàng	93.309.169.647	98.959.143.097
+ Lãi vay phải trả các đối tượng khác	-	10.579.139.446
+ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thái Sơn – hợp tác kinh doanh (*)	41.220.785.783	41.220.785.783
+ Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thái Sơn – phải trả khác	3.678.679.283	3.678.679.283
+ Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	-	22.000.000.000
+ Các đối tượng khác	1.912.369.444	1.674.807.710
b. Dài hạn	1.051.584.699.472	900.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.051.584.699.472	900.000.000.000
+ Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển BĐS Minh Việt (**)	1.051.584.699.472	900.000.000.000
Cộng	1.199.102.703.629	1.085.509.555.319

(*) Là khoản nhận góp vốn hợp tác đầu tư Dự án Nhà văn phòng cho thuê tại số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2649/HĐ-HTĐT/2009 ngày 31 tháng 07 năm 2009 giữa 3 bên là Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thái Sơn và Công ty Cổ phần Tổng Bách Hóa. Quyền lợi của dự án được phân chia theo tỷ lệ Công ty Quản lý và Phát triển nhà Hà Nội 10%, Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thái Sơn 45%, Công ty CP Tổng Bách Hóa 45%. Theo biên bản thỏa thuận 3 bên ngày 18 tháng 12 năm 2013, Công ty TNHH MTV Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội rút khỏi hợp đồng, chuyển lại toàn bộ quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng cho Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thái Sơn.

(**) Khoản phải trả Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Minh Việt theo thỏa thuận nguyên tắc về hợp tác kinh doanh số 01/TTNT/2020 ngày 10 tháng 12 năm 2020 và phụ lục hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01 tháng 02 năm 2021 về việc hợp tác triển khai dự án “Đầu tư xây dựng khu nhà ở” tại số 486 đường Ngọc Hồi, thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì. Theo thỏa thuận này, điều kiện ký hợp đồng hợp tác kinh doanh là Công ty Cổ phần Tổng Bách Hóa phải hoàn tất thủ tục ký biên bản làm việc về việc đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính với Công ty CP Bê Tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai và Công ty CP Bê Tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai đồng ý rút khỏi liên danh chủ đầu tư. Tổng vốn đầu tư dự kiến theo thỏa thuận này là 2.703.449.000.000 đồng, trong đó Công ty CP Tổng Bách Hóa góp 1.081.379.600.000 đồng và Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Bất động sản Minh Việt góp 1.622.069.400.000 đồng. Lợi nhuận của dự án phân chia theo tỷ lệ vốn góp trên tổng vốn đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	31.178.000.000	4.945.673.730	(388.817.703.206)	(352.694.029.476)
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi/(lỗ) trong năm trước	-	-	(4.290.977.229)	(4.290.977.229)
Tăng khác	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	31.178.000.000	4.945.673.730	(393.108.680.435)	(356.985.006.705)
Số dư đầu năm nay	900.000.000.000	-	-	900.000.000.000
Tăng vốn trong kỳ này (*)	-	-	15.182.093.983	15.182.093.983
Lãi/(lỗ) trong kỳ này	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	931.178.000.000	4.945.673.730	(377.926.586.452)	558.197.087.278

(*) Trong kỳ, Công ty tăng vốn từ 31/178.000.000 đồng lên 931.178.000.000 theo nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông năm 2020 số 11/NQ-ĐHĐCĐ2020 ngày 16 tháng 10 năm 2020 và đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện thủ tục phát hành cổ phiếu và sử dụng vốn hiệu quả.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Tỷ lệ	
	VND	%	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Thanh	900.000.000.000	96,65	-	-	-	-
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	7.710.930.000	0,83	7.710.930.000	24,73		
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Khách sạn Tân Hoàng Minh	4.237.610.000	0,46	4.237.610.000	13,59		
Ông Mạnh Hoàng Thao	9.234.610.000	0,99	9.234.610.000	29,62		
Các cổ đông khác	9.994.850.000	1,07	9.994.850.000	32,06		
Cộng	931.178.000.000	100	31.178.000.000	100		

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021</u>	<u>Từ 01/01/2020 đến 31/3/2020</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	31.178.000.000	31.178.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	900.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	931.178.000.000	31.178.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	93.117.800	3.117.800
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	93.117.800	3.117.800
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>93.117.800</i>	<i>3.117.800</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	93.117.800	3.117.800
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>93.117.800</i>	<i>3.117.800</i>
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e. Các quỹ của Công ty

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Quỹ đầu tư phát triển	4.945.673.730	4.945.673.730
Cộng	4.945.673.730	4.945.673.730

18. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**a. Ngoại tệ các loại**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
USD	175,03	175,03

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.703.738.759
Cộng	2.703.738.759

02. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.967.661.411
Cộng	1.967.661.411

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	15.728.480.103
Cộng	15.728.480.103

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021
- Lãi tiền vay	29.880.941
Cộng	29.880.941

05. Thu nhập khác

	Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021
- Các khoản khác	150.412.500
Cộng	150.412.500

06. Chi phí khác

	Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021
- Các khoản khác	117.461.830
Cộng	117.461.830

Đơn vị tính: VND

07. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	652.407.192
- Chi phí nhân viên quản lý	359.480.002
- Thuế, phí và lệ phí	4.000.000
- Chi phí dự phòng	4.358.751
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	273.703.036
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	10.865.403
b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh	633.126.005
- Chi phí nhân viên	587.837.975
- Chi phí khấu hao TSCĐ	45.288.030
Cộng	1.285.533.197

08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-
- Chi phí nhân công	1.328.376.955
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.288.030
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	317.550.847
- Chi phí khác bằng tiền	1.557.620.025
- Chi phí dự phòng	4.358.751
Cộng	3.253.194.608

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 3 năm 2021 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Chức danh	Từ 01/01/2021 đến 31/3/2021
Tiền lương		
Nguyễn Văn Khoa	Phó Tổng Giám đốc	44.762.334
Vũ Hoàng Tùng	Phó Tổng Giám đốc	44.762.334
Phạm Ngọc Dương	Phó Tổng Giám đốc	44.762.333
Cộng		134.287.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thương mại Miền nam TBH	Công ty con
Công ty TNHH MTV Văn hóa phẩm TBH	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vật tư Nông sản	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	Cổ đông chiếm 24,73% vốn điều lệ
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ khách sạn Tân Hoàng Minh	Cổ đông chiếm 13,59% vốn điều lệ

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	Từ 01/01/2021
	đến 31/3/2021
Đi vay	14.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	14.000.000.000
Cho vay	224.809.000.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ khách sạn Tân Hoàng Minh	224.809.000.000
Lãi cho vay	3.347.121.071
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ khách sạn Tân Hoàng Minh	3.347.121.071
Các giao dịch khác	51.881.455.241
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ khách sạn Tân Hoàng Minh - Bù trừ số dư vay và lãi vay với khoản cho vay	51.881.455.241

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	164.517.068.550	5.310.361.987
Công ty TNHH MTV Thương mại Miền Nam TBH	5.310.361.987	5.310.361.987
Phải thu khác ngắn hạn	3.347.121.071	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ khách sạn Tân Hoàng Minh	3.347.121.071	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	155.859.585.492	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ khách sạn Tân Hoàng Minh	155.859.585.492	-
Phải thu về cho vay dài hạn	10.704.060.658	10.704.060.658
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH	10.704.060.658	10.704.060.658
Phải thu khác ngắn hạn	9.616.397.754	9.178.098.440
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH	6.760.845.398	6.322.546.084
Công ty TNHH MTV Thương mại Miền Nam TBH	2.855.552.356	2.855.552.356
Cộng nợ phải thu	184.837.526.962	25.192.521.085

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA
Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<i>Đơn vị tính: VND</i> <u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả người bán ngắn hạn</i>	<i>296.589.057</i>	<i>296.589.057</i>
Công ty TNHH MTV Văn hóa phẩm TBH	296.589.057	296.589.057
<i>Vay và nợ ngắn hạn</i>	<i>1.010.472.830</i>	<i>60.312.788.625</i>
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	1.010.472.830	19.010.472.830
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ khách sạn Tân Hoàng Minh	-	41.302.315.795
<i>Phải trả khác ngắn hạn</i>	<i>44.899.465.066</i>	<i>55.478.604.512</i>
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thái Sơn	44.899.465.066	44.899.465.066
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ khách sạn Tân Hoàng Minh	-	10.579.139.446
Cộng nợ phải trả	<u>46.206.526.953</u>	<u>116.087.982.194</u>

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

Toàn bộ hoạt động của Công ty là hoạt động dịch vụ và chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA
Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách			Giá trị hợp lý		
	Số cuối kỳ	Dự phòng	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.296.774.811	-	197.729.055.184	(*)	-	(*)
Phải thu về cho vay	180.563.646.150	-	10.704.060.658	-	-	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	641.550.830.366	(99.280.372.831)	102.057.919.737	(*)	(99.276.014.080)	(*)
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	(*)	-	(*)
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	(*)	-	(*)
Cộng	840.411.251.327	(99.280.372.831)	310.491.035.579		(99.276.014.080)	

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	2.262.363.799	2.264.363.799	(*)	(*)
Vay và nợ	6.964.770.159	162.931.518.331	(*)	(*)
Chi phí phải trả	881.125.152	1.111.252.788	(*)	(*)
Các khoản phải trả khác	1.199.102.703.629	185.509.555.319	(*)	(*)
Cộng	1.209.210.962.739	351.816.690.237		

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Do vậy, Công ty không thuyết minh giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Đơn vị tính: VND

05. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Mô tả phương thức quản lý rủi ro thanh khoản tiềm tàng. Ví dụ:

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Phải trả cho người bán	2.262.363.799	-	-	2.262.363.799
Vay và nợ	6.964.770.159	-	-	6.964.770.159
Chi phí phải trả	881.125.152	-	-	881.125.152
Các khoản phải trả khác	147.518.004.157	1.051.584.699.472	-	1.199.102.703.629
Cộng	157.626.263.267	1.051.584.699.472	-	1.209.210.962.739
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	2.264.363.799	-	-	2.264.363.799
Vay và nợ	162.931.518.331	-	-	162.931.518.331
Chi phí phải trả	1.111.252.788	-	-	1.111.252.788
Các khoản phải trả khác	185.509.555.319	-	-	185.509.555.319
Cộng	351.816.690.237	-	-	351.816.690.237

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 đến ngày 31 tháng 3 năm 2021 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Phía Bắc; Không có số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ do Công ty không lập Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 31 tháng 3 năm 2020.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hà Thanh Loan

Hoàng Quyết Chiến

Nguyễn Mạnh Hùng